

Bản án số: 138/2025/HS-ST
Ngày: 30-12-2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hoài Trang

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Vũ Hà, ông Hoàng Viết Thống

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thùy Linh – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1 - Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Đào Thị Diễm Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 - Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 113/2025/TLST-HS ngày 05 tháng 12 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 131/2025/QĐXXST-HS ngày 18 tháng 12 năm 2025 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Trần Kim S**; Tên gọi khác: T, Thành L; Giới tính: Nam. Sinh ngày 18 tháng 8 năm 1984; tại: Tỉnh Đắk Lắk. Nơi thường trú: Số H đường N, phường T, tỉnh Đắk Lắk. Nơi cư trú: Số D đường Đ, phường E, tỉnh Đắk Lắk. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Thiên chúa giáo. Trình độ học vấn: 8/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do. Họ và tên cha: Trần Kim N, sinh năm 1965; họ và tên mẹ: Nguyễn Thị N1, sinh năm 1965. Bị cáo chưa có vợ, con. Tiền án: 03.

Ngày 07 tháng 5 năm 2003, bị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xử phạt 05 năm tù, về tội Cướp tài sản, tại Bản án hình sự sơ thẩm số 161/HSST. Ngày 29 tháng 6 năm 2007, chấp hành xong hình phạt tù (chưa được xóa án tích).

Ngày 06 tháng 5 năm 2008, bị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xử phạt 01 năm 03 tháng tù, về tội Không tố giác tội phạm, tại Bản án hình sự sơ thẩm số 56/2008/HSST và tổng hợp hình phạt tù 02 năm 06 tháng, về tội Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ, tại Bản án hình sự sơ thẩm số 340/HSST ngày 22 tháng 10 năm 2002 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 03 năm 09 tháng tù. Ngày 26 tháng 02 năm 2018, được Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk ra Quyết định miễn chấp hành hình phạt tù còn lại. Ngày 28 tháng 02 năm 2018 chấp hành xong hình phạt tù (chưa được xóa án tích).

Ngày 25 tháng 11 năm 2019, bị Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk xử phạt 06 năm 06 tháng tù, về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy, tại Bản án hình sự sơ thẩm số 319/2019/HS-ST. Chấp hành án tại Trại

giam Đ – Bộ C1. Ngày 16 tháng 10 năm 2024, chấp hành xong hình phạt tù (chưa được xoá án tích).

Tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 25 tháng 6 năm 1999, bị Ủy ban nhân dân tỉnh Đ ra Quyết định số 1546/QĐ-UB, về việc đưa người vào trường giáo dưỡng, thời gian là 24 tháng, tại Trường G - Bộ C1, đóng tại xã X, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

Ngày 22 tháng 10 năm 2002, bị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xử phạt 30 tháng tù, về tội Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ, tại Bản án hình sự sơ thẩm số 340/HSST.

Ngày 01 tháng 4 năm 2008, bị Trưởng Công an thành phố B, tỉnh Đắk Lắk ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính với số tiền 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng), về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy. Bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tiền.

Ngày 05 tháng 9 năm 2018, bị Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk ra Quyết định về việc áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn, tại Quyết định số 196/QĐ-UBND, với thời gian 03 tháng, kể từ ngày 05 tháng 9 năm 2018 đến ngày 05 tháng 12 năm 2018. Bị cáo đã chấp hành xong.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ, tạm giam từ ngày 22 tháng 8 năm 2025 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa

2. Họ và tên: **Lục Quang V**; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam. Sinh ngày 24 tháng 6 năm 1988; tại: Tỉnh Thái Nguyên. Nơi thường trú: Thôn H, xã E, tỉnh Đắk Lắk. Nơi cư trú: Thôn I, xã H, tỉnh Đắk Lắk. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Nùng; Tôn giáo: Không. Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do. Họ và tên cha: Lục Văn H, sinh năm 1954 (đã chết); họ và tên mẹ: Vương Thị B, sinh năm 1956. Họ và tên vợ: Nguyễn Thị L1, sinh năm 1999. Bị cáo có 02 người con. Con lớn sinh năm 2015, con nhỏ sinh năm 2024. Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 12 tháng 01 năm 2017, bị Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk, ra Quyết định áp dụng biện pháp xử lý vi phạm hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc tại Trung tâm giáo dục lao động, xã hội tỉnh Đ, trong thời hạn 18 tháng, tại Quyết định số 02.2017/QĐ-TA. Ngày 24 tháng 02 năm 2018, chấp hành xong.

Ngày 18 tháng 01 năm 2016 bị Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên xử phạt 09 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 tháng, về tội Đánh bạc, tại Bản án hình sự sơ thẩm số 06/2016/HSPT. Ngày 18 tháng 7 năm 2017, chấp hành xong hình phạt. Đã được xoá án tích.

Bị cáo bị bắt ngày 21/8/2025 và bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ, tạm giam từ ngày 22 tháng 8 năm 2025 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

+ Bà Lê Thị Xuân N2 – Vắng mặt

Địa chỉ: Thôn A, xã T, tỉnh Lâm Đồng

+ Ông Lê Văn S1 – Vắng mặt

Địa chỉ: Số D V, phường T, tỉnh Đắk Lắk

+ Ông Phan Thanh N3 – Vắng mặt

Địa chỉ: xã Q, tỉnh Nghệ An

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lục Quang V là người sử dụng chất ma túy, loại Methamphetamine (hay còn gọi là ma túy đá) từ năm 2016 cho đến nay. Quá trình sử dụng ma túy, V quen biết Trần Kim S cũng là người sử dụng ma túy đá. Vào ngày 15 tháng 8 năm 2025, S mua 01 (một) gói ma túy đá của một người đàn ông tên “Đen” (không rõ nhân thân, lai lịch) tại ngã tư A, thành phố Hồ Chí Minh, với số tiền 1.800.000 đồng (Một triệu tám trăm nghìn đồng) và trả bằng tiền mặt. Sau khi mua được ma túy, S mang về cất giấu tại phòng trọ ở số D đường Đ, tổ dân phố C, phường E, tỉnh Đắk Lắk. Đến khoảng 21 giờ ngày 20 tháng 8 năm 2025, V đến phòng trọ của S tại địa chỉ số D đường Đ, tổ dân phố C, phường E, tỉnh Đắk Lắk để chơi. Khi S chuẩn bị ra về, thì V được S cho 01 (một) gói ma túy đá. Số ma túy còn lại S một mình đã sử dụng hết tại phòng trọ. Sau đó, V về nhà ở thôn I, xã H, tỉnh Đắk Lắk. Đến khoảng 23 giờ 00 cùng ngày, V lấy một ít từ gói ma túy và sử dụng một mình tại khu vực đất trống gần nhà. Số ma túy đá còn lại V tiếp tục cất giấu trong ví nhằm mục đích sử dụng cho bản thân. Đến khoảng 12 giờ 00 ngày 21 tháng 8 năm 2025, tại trước số nhà D đường Đ, phường E, tỉnh Đắk Lắk, Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an tỉnh Đ phối hợp Công an phường E, tỉnh Đắk Lắk phát hiện, bắt quả tang Lục Quang V, thu giữ trong ví của V 01 (một) gói nylon bên trong chứa chất rắn dạng tinh thể màu trắng, tang vật được niêm phong theo quy định.

Kết quả xét nghiệm chất ma túy tại Bệnh viện Đ1, tỉnh Đắk Lắk đối với Trần Kim S và Lục Quang V cùng cho kết quả: Dương tính với thành phần Amphetamine.

Tại Kết luận giám định số 302/KL-KTHS ngày 27 tháng 8 năm 2025 của Phòng K - Công an tỉnh Đ kết luận:

Chất rắn dạng tinh thể màu trắng bên trong 01 (một) gói nylon được niêm phong gửi đi giám định là ma túy, loại Methamphetamine, khối lượng: 0,1600 gam.

H1 lại đối tượng gửi giám định: Mẫu vật còn lại sau giám định có khối lượng 0,1570 gam và toàn bộ bao gói đựng mẫu vật gửi giám định ban đầu./.

Tại Kết luận giám định số 384/KL-KTHS ngày 05 tháng 9 năm 2025 của Phòng K - Công an tỉnh Đ kết luận: Chất bám dính màu nâu bên trong 01 (một) ống thủy tinh được niêm phong gửi giám định là ma túy, loại: Methamphetamine, vì lượng chất bám dính ít nên không xác định được khối lượng.

Tại bản cáo trạng số: 38/CT-VKS-KV1 ngày 01/12/2025 Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Đắk Lắk đã truy tố Trần Kim S về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo quy định tại điểm o khoản 2 Điều 249 Bộ luật hình sự và Lục Quang V về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như bản Cáo trạng mà Viện kiểm sát đã truy tố.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Đắk Lắk đã phân tích, chứng minh hành vi phạm tội của các bị cáo, giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Trần Kim S về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo quy định tại điểm o khoản 2 Điều 249 Bộ luật hình sự và Lục Quang V về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự.

Áp dụng điểm o khoản 2 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự; Đề nghị xử phạt bị cáo Trần Kim S mức án từ 05 năm 06 tháng đến 06 năm tù.

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự; Đề nghị xử phạt bị cáo Lục Quang V mức án từ 03 năm 06 tháng đến 04 năm tù.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Tịch thu tiêu hủy mẫu vật còn lại sau giám định có khối lượng 0,1570 gram Methamphetamine cùng toàn bộ bao gói đựng mẫu vật gửi giám định ban đầu niêm phong trong phong bì ghi “Mẫu vật còn lại sau giám định vụ Lục Quang V (M1)” có các chữ ký ghi tên Vũ Ngọc S2, Nguyễn Thị Thúy P và đóng dấu tròn màu đỏ của Phòng K - Công an tỉnh Đ;

Tịch thu tiêu hủy mẫu vật còn lại sau giám định toàn bộ đồ vật, bao gói đựng mẫu vật gửi giám định ban đầu niêm phong trong phong bì ghi “Mẫu vật còn lại sau giám định vụ Trần Kim S” có các chữ ký ghi tên Vũ Ngọc S2, Trần Minh P1 và đóng dấu tròn màu đỏ của Phòng K - Công an tỉnh Đ.

Tịch thu tiêu hủy 01 (một) chai nhựa trên nắp chai có gắn một ống nhựa, 01 (một) quạt gas, 01 (một) ví.

Trả lại cho Trần Kim S 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG, số Imei (KHE 1): 358544101932619, kèm sim điện thoại số 0842717171; máy bị vỡ màn hình, khung máy bị cong nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo công tác thi hành án.

Trả lại cho bị cáo Lục Quang V 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Redmi, số IMEI 868096054464556, kèm sim điện thoại số 0826399479 nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo công tác thi hành án.

Bị cáo không tranh luận, bào chữa gì, chỉ đề nghị hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Cơ quan truy tố, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng: Xét thấy tại cơ quan điều tra người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã có lời khai đầy đủ, Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ, sự vắng mặt của họ không ảnh hưởng tới quá trình giải quyết vụ án. Do đó căn cứ vào Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự để tiến hành xét xử vắng mặt người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

[2] Về nội dung:

[2.1] Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người làm chứng và các tài liệu chứng cứ khác thu thập được có trong hồ sơ vụ án. Hành vi của bị cáo: Trần Kim S là người đã có 03 tiền án, chưa được xoá án tích. Vào ngày 15 tháng 8 năm 2025, S mua 01 (một) gói ma túy đá của một người đàn ông tên “Đen” (không rõ nhân thân, lai lịch) tại ngã tư A, thành phố Hồ Chí Minh, với số tiền 1.800.000 đồng (Một triệu tám trăm nghìn đồng). Sau khi mua được ma túy, S mang về cất giấu tại phòng trọ ở số D đường Đ, tổ dân phố C, phường E, tỉnh Đắk Lắk. Khoảng 21 giờ ngày 20 tháng 8 năm 2025, khi Lục Quang V đến phòng trọ của Trần Kim S chơi, thì được S cho 01 (một) gói ma túy đá, số ma túy còn lại thì S sử dụng cho cá nhân. Sau đó, V đem gói ma túy về nhà tại thôn I, xã H, tỉnh Đắk Lắk, rồi lấy một ít ma túy ra sử dụng ở bãi đất trống gần nhà. Đến khoảng 12 giờ ngày 21 tháng 8 năm 2025, trong lúc Lục Quang V đang tàng trữ trái phép 01 (một) gói ma túy, loại Methamphetamine, có khối lượng 0,1600 gam mục đích để sử dụng, thì bị phát hiện bắt quả tang, xử lý.

Hành vi của bị cáo Trần Kim S đã phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo quy định tại điểm o khoản 2 Điều 249 Bộ luật hình sự và Lục Quang V phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự. Do vậy cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Đắk Lắk truy tố bị cáo Trần Kim S và Lục Quang V là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Điều 249 của Bộ luật hình sự quy định:

“1. Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 05 năm.

a).....

c) Heroin, C, Methamphetamine, A, Ketamine, F, MDMA hoặc XLR-11 có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 05 gam;

...

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt tù từ 05 năm đến 10 năm:

a).....

o) Tái phạm nguy hiểm”.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến sự độc quyền quản lý của nhà nước về các chất ma túy và gây mất trật tự trị an trên địa bàn địa phương. Bị cáo biết tác hại của ma túy, việc tàng trữ ma túy bị nghiêm cấm, song do ý thức coi thường pháp luật bị cáo tàng trữ ma túy với mục đích sử dụng cho bản thân. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần có mức hình phạt đủ nghiêm, buộc cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới

đủ cải tạo, giáo dục bị cáo cũng như đáp ứng yêu cầu đấu tranh, phòng chống tội phạm chung trong xã hội.

[2.2] Về nhân thân, tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Hội đồng xét xử xét thấy, tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo Trần Kim S và Lục Quang V đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, bố của bị cáo Lục Quang V được tặng thưởng huân chương kháng chiến, bị cáo V là người dân tộc thiểu số là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Do đó, cần xem xét áp dụng để giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo.

[2.3] Các vấn đề khác :

Trong vụ án này, đối với người đàn ông tên “Đen” (chưa xác định được nhân thân, lai lịch), là người đã bán trái phép chất ma túy cho bị cáo Trần Kim S, địa điểm xảy ra tại khu vực Ngã tư A, thành phố Hồ Chí Minh, thuộc thẩm quyền điều tra của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H. Do đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đ đã có công văn trao đổi thông tin tội phạm đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H biết, để phối hợp cùng tiến hành điều tra theo thẩm quyền là có căn cứ và phù hợp.

Vào cuối tháng 7 năm 2025, bà Lê Thị Xuân N2, sinh năm 1966; trú tại thôn A, xã T, tỉnh Lâm Đồng đã cho ông Lê Văn S1, sinh năm 1995, trú tại số D V, phường T, tỉnh Đắk Lắk thuê phòng trọ số 06 địa chỉ số D đường Đ, phường E, tỉnh Đắk Lắk. Ông S1 thuê phòng trọ nhằm mục đích cho nhân viên là ông Phan Thanh N3, sinh năm 1988, trú tại xã E, tỉnh Đắk Lắk sử dụng làm chỗ ở. Tuy nhiên, vào khoảng đầu tháng 8 năm 2025, N3 đã cho Trần Kim S ở và thuê lại, sau đó N3 về quê tại tỉnh Nghệ An để làm việc. Việc S sử dụng ma túy tại phòng trọ nêu trên, thì Lê Thị Xuân N2, Lê Văn S1 và Phan Thanh N3 đều không biết. Do đó, Cơ quan điều tra không đề cập xử lý đối với Lê Thị Xuân N2, Lê Văn S1 và Phan Thanh N3 và căn phòng trọ nêu trên là có căn cứ và phù hợp.

Đối với hành vi sử dụng trái phép chất ma túy của Trần Kim S, Lục Quang V, Công an tỉnh Đ đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền 1.500.000 đồng, theo quy định tại khoản 1 Điều 23 Nghị định 144/2021/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ là phù hợp.

[2.4] Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Tịch thu tiêu hủy mẫu vật còn lại sau giám định có khối lượng 0,1570 gram Methamphetamine cùng toàn bộ bao gói đựng mẫu vật gửi giám định ban đầu niêm phong trong phong bì ghi “Mẫu vật còn lại sau giám định vụ Lục Quang V (M1)” có các chữ ký ghi tên Vũ Ngọc S2, Nguyễn Thị Thúy P và đóng dấu tròn màu đỏ của Phòng K - Công an tỉnh Đ;

Tịch thu tiêu hủy mẫu vật còn lại sau giám định toàn bộ đồ vật, bao gói đựng mẫu vật gửi giám định ban đầu niêm phong trong phong bì ghi “Mẫu vật còn lại sau giám định vụ Trần Kim S” có các chữ ký ghi tên Vũ Ngọc S2, Trần Minh P1 và đóng dấu tròn màu đỏ của Phòng K - Công an tỉnh Đ.

Tịch thu tiêu hủy 01 (một) chai nhựa trên nắp chai có gắn một ống nhựa, 01 (một) quạt gas, 01 (một) ví.

Trả lại cho Trần Kim S 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG, số Imei (KHE 1): 358544101932619, kèm sim điện thoại số 0842717171; máy bị vỡ màn hình, khung máy bị cong nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo công tác thi hành án.

Trả lại cho bị cáo Lục Quang V 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Redmi, số IMEI 868096054464556, kèm sim điện thoại số 0826399479 nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo công tác thi hành án.

[2.5] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 249 Bộ luật hình sự

Tuyên bố: bị cáo Trần Kim S và Lục Quang V phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”.

Áp dụng điểm o khoản 2 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt: bị cáo Trần Kim S **06 (sáu) năm** tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 22/8/2025

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt: bị cáo Lục Quang V **03 (ba) năm 06 (sáu) tháng** tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 21/8/2025

Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật hình sự; Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy 01 bì thư ghi “Mẫu vật còn lại sau giám định vụ Lục Quang V (M1)” có các chữ ký ghi tên Vũ Ngọc S2, Nguyễn Thị Thúy P và đóng dấu tròn màu đỏ của Phòng K - Công an tỉnh Đ;

Tịch thu tiêu hủy 01 bì thư ghi “Mẫu vật còn lại sau giám định vụ Trần Kim S” có các chữ ký ghi tên Vũ Ngọc S2, Trần Minh P1 và đóng dấu tròn màu đỏ của Phòng K - Công an tỉnh Đ.

Tịch thu tiêu hủy 01 (một) chai nhựa trên nắp chai có gắn một ống nhựa, 01 (một) quẹt gas, 01 (một) ví.

Trả lại cho Trần Kim S 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG, máy bị vỡ màn hình, khung máy bị cong nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo công tác thi hành án.

Trả lại cho bị cáo Lục Quang V 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Redmi, số IMEI 868096054464556, kèm sim điện thoại số 0826399479 nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo công tác thi hành án.

(Vật chứng có đặc điểm và số lượng như Biên bản giao nhận vật chứng ngày 05/12/2025 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra công an tỉnh Đ và Thi hành án dân sự khu vực 1, tỉnh Đắk Lắk)

* **Về án phí:** Căn cứ Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo Trần Kim S và Lục Quang V mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (*mười lăm ngày*) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND khu vực 1 – Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- THADS tỉnh Đắk Lắk;
- PV 06 – Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Bị cáo; Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Hoài Trang